

HỘI LƯƠNG XUYÊN PHẬT HỌC TRONG PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tóm tắt: Hội Lương Xuyên Phật học được Thống đốc Nam Kỳ phê chuẩn thành lập năm 1934, tại chùa Long Phước, Trà Vinh. Mục đích ra đời của Hội là đào tạo đội ngũ tăng tài kế thừa để trùng hưng Phật pháp. Đây là Hội Phật giáo đầu tiên ở Đồng bằng sông Cửu Long trong phong trào chấn hưng, vì nó đi tiên phong trong mọi hoạt động về chấn chỉnh giáo lý, về cơ cấu tổ chức, về phương diện xây dựng cơ sở vật chất của Phật giáo. Là trung tâm đào tạo tăng tài của khu vực Tây Nam Bộ và cũng là nơi chấn chỉnh, phục hồi các giá trị của giáo lý Phật giáo... Có thể nói, đây là những đóng góp có ý nghĩa thiết thực và cũng là bài học lịch sử cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Đặc điểm; Hội Lương Xuyên Phật học; chấn hưng Phật giáo.

Dẫn nhập

Vào những năm đầu thế kỷ XX, Phong trào Chấn hưng Phật giáo lan rộng khắp ba miền đất nước, nhưng có thể nói rằng Nam Kỳ là vùng đất đầu tiên hưởng ứng phong trào, mà tiêu biểu là Hội Lương Xuyên Phật học với những đường hướng hoạt động để thích ứng với thời đại mới về đường lối tu học, cách thức tổ chức, phương pháp hành trì, và nhất là để củng cố niềm tin cho các tín đồ Phật tử. Bởi lẽ, giai đoạn này Phật giáo Việt Nam đang đi vào con đường suy vi nhất. Đây cũng là giai đoạn mà các báo chí, tạp chí Phật học đua nhau ra đời, nhằm chấn chỉnh lại nếp sống thiền môn, hướng dẫn đường lối tu học cho các tín đồ. Những đóng góp mà Hội Lương Xuyên Phật học đã đạt được trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo Nam Kỳ được thể hiện qua một số đặc điểm sau: Là Hội Phật giáo đầu tiên ở Đồng bằng

* Chùa Dược Sư, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 11/7/2018; Ngày biên tập: 16/7/2018; Ngày duyệt đăng: 23/7/2018.

sông Cửu Long trong phong trào chấn hưng; là trung tâm đào tạo tăng tài; là nơi chấn chỉnh, phục hồi các giá trị của giáo lý Phật giáo; tổ chức của Hội chưa chặt chẽ và hoạt động chưa rộng khắp. Những đặc điểm này sẽ lần lượt được phân tích dưới đây.

1. Lương Xuyên Phật học Hội là Hội Phật giáo đầu tiên ở Đồng bằng sông Cửu Long trong Phong trào Chấn hưng

Từ năm 1930 trở đi, cả ba miền Nam, Trung, Bắc đã bắt đầu hình thành nhiều tổ chức Phật học với quy mô, thời gian và hình thức khác nhau. Về cơ bản, các tổ chức này đều hướng đến mục tiêu là cải cách đường lối tu tập, sinh hoạt của Tăng già, đổi mới phương thức giáo dục và đào tạo Tăng Ni, ra báo chí làm hậu thuẫn cho các hoạt động hoằng dương chính pháp, Việt hóa kinh sách Phật giáo phục vụ cho hoạt động tu tập và nghiên cứu.

Về phương diện giáo lý: Chấn chỉnh và xiển dương giáo lý là đặc điểm nổi bật của Hội Lương Xuyên Phật học. Sự ra đời của tạp chí *Duy Tâm Phật học* đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình thành lập Hội. Bởi vì sau khi ra đời, tạp chí *Duy Tâm Phật học* là diễn đàn truyền bá giáo lý đạo Phật, tạo nên tiếng vang lớn cho phong trào chấn hưng Phật giáo vào những năm 1930-1945. Bên cạnh đó, cũng có một số kinh sách phổ thông được in ấn, xuất bản, như: *Phật giáo Sơ học*, *Phật giáo vấn đáp*, *Phật học Giáo Khoa thư*,... Thêm những bản kinh bằng chữ quốc ngữ, như: Kinh Kim Cương, Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm... tạo điều kiện dễ dàng cho người học Phật trong quá trình tiếp thu giáo lý đạo Phật. Hơn nữa, việc in ấn, xuất bản tạp chí được các giới ủng hộ nhiệt tình, nhất là giới trí thức. Ngoài việc xuất bản tạp chí, kinh sách của Hội Lương Xuyên Phật học, không thể không nói đến những đóng góp của chùa Viên Giác (Bến Tre) trong giai đoạn này. Đây là ngôi cổ tự nổi tiếng vùng Nam Bộ. Chính nơi đây đã gắn liền với tên tuổi của Hòa thượng Thích Tâm Quang, một vị cao tăng từng tham gia Phong trào Chấn hưng Phật giáo từ những năm đầu thế kỷ XX. Chùa Long Hòa (Trà Vinh) và chùa Viên Giác (Bến Tre) có sự liên kết với nhau qua Liên đoàn Phật học Xã, là trường Phật học lưu động, mỗi nơi tổ chức ba tháng, sau đó tan rã do nhiều nguyên nhân tác động. Theo Hòa thượng Thích Thiện Nhơn: “Liên đoàn Phật học Xã là tiền thân của các trường Phật học,

Phật học đường, Phật học Viện sau này”. Mỗi địa điểm giảng dạy ba tháng, xong chuyển sang địa điểm khác. Hiện nay, chùa Viên Giác còn lưu lại một kho tàng pháp bảo rất có giá trị. Có thể nói, đây là thành quả của Phong trào Chấn hưng Phật giáo Nam Bộ về lĩnh vực giáo lý. Niềm tự hào này đã được ghi khắc trên mặt trước (bên hông trái chùa Viên Giác) với ba chữ *Tàng Kinh Các*. Đây là một đặc điểm hiếm thấy tại các chùa ở Nam Bộ.

Về cơ cấu tổ chức: Tam tạng giáo điển (Kinh - Luật - Luận) được xem là nền tảng căn bản để thẩm định giáo lý của đạo Phật. Tuy nhiên trong quá trình hội nhập, truyền bá nền giáo lý này cần phải được cải biến, ứng dụng sao cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội, phong tục tập quán, chuẩn mực căn bản nhằm đáp ứng nhu cầu của thời đại mà Phật giáo gọi là *tùy duyên nhi bất biến*. Đây là vấn đề cốt lõi mà Lưỡng Xuyên Phật học đặc biệt quan tâm từ khi thành lập Hội. Sự thống nhất này giúp cho phong trào chấn hưng Phật giáo Nam Kỳ đạt được những thành tựu nhất định. Chính vì vậy, trong công cuộc chấn hưng Phật giáo, sự ra đời của một tổ chức là điều tối quan trọng. Có tổ chức, mọi hoạt động mới có điều kiện đi vào nền nếp và có thể phát huy tốt mọi dự định, kế hoạch, hành động đã đề ra. Từ sự ra đời của tổ chức Hội, đầu tiên là Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học đến Hội Lưỡng Xuyên Phật học, đã có những thành quả đáng kể trong mọi hoạt động của Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam. Không quá để có thể gọi đây là một cuộc *cách mạng về giáo chế*. Vì vậy, việc hình thành một tổ chức, làm nền tảng cho mọi hoạt động của Phật giáo Việt Nam là sự việc rất hiếm hoi.

Từ khi Hội Lưỡng Xuyên Phật học được thành lập (1934), Phật giáo trong Tỉnh đã có tiếng nói trước công luận, nhờ Hội Lưỡng Xuyên cho ra đời tạp chí Duy Tâm Phật học làm cơ quan truyền bá Phật pháp và bênh vực cho những điều lẽ phải. Vì vậy mà người Pháp có phần kiêng nể ý kiến của nhân dân hơn, nên tất cả mọi việc khó khăn gì đều được giải quyết một cách tốt đẹp. Nói về câu chuyện của Hòa thượng Diệu Pháp đưa đơn xin chính quyền dời lò heo (gần chùa) đi nơi khác, để ngôi bửu tự Long Khánh được trang nghiêm: “Chính quyền Pháp lúc ấy buộc chùa phải chịu sự chi phí (500 đ). Nhờ Bà Hội đồng Nguyễn Xuân Phong cúng 300 đ, các Phật tử đóng góp thêm 200

đ, là đủ số 500 đ như yêu cầu. Lại được Cai tổng Trần Ngọc Yển cho một công đất tại ấp Tri Tân để cho việc thực hiện được dễ dàng”¹. Từ đây tên chùa “Lò Heo” phai dần trong ký ức của người dân. Khi công việc chùa ổn định, Hòa thượng Diệu Pháp, góp sức chung tay cùng các vị Hòa thượng Khánh Hòa, Khánh Anh, Huệ Quang... tích cực tham gia công việc chấn hưng Phật giáo.

Điểm nổi bật nữa của Hội Lưỡng Xuyên Phật học không thể không nói đến là vấn đề thống nhất Phật giáo, nó không ngoài nguyên vọng chính đáng là “Thống nhất tài sản, đất cát Am chùa của đạo Phật trên nền tảng “Lục hòa”, dựng khôi phục lại cái chơn tướng cho đạo Phật, cùng vào đời cứu khổ chúng sanh”². Bởi vì trong xã hội hiện thời mà còn cái tâm tự lợi cá nhân, với chế độ riêng chùa, riêng đệ tử thì bảo sao Phật pháp không bị lu mờ. Như vậy, muốn thể hiện tinh thần nhập thế độ sinh, thì các Hội Phật giáo nên đi đến thống nhất để phá trừ những tục lệ mê tín, dị đoan, một mặt thực hành hoằng pháp lợi sinh để thấy rằng đạo Phật là tích cực độ sinh, chứ không phải bị quan tiêu cực.

Ngoài những đặc điểm trên, Hội Lưỡng Xuyên Phật học còn đặc biệt quan tâm vấn đề đạo hạnh của tu sĩ, tức chấn chỉnh lại nếp sống của người xuất gia theo tinh thần giới luật. Những quy tắc điều lệ (Giới luật) còn là khuôn mẫu giúp người Tăng sĩ hoàn thiện bản thân mình trên phương diện Thân giáo, Khẩu giáo và Ý giáo. Vì vậy, trau dồi nhân cách đạo đức của người tu sĩ là điều không thể thiếu trong bất kỳ thời đại nào, nhất là vào giai đoạn Phật giáo đang hồi suy vi, thì người tu sĩ có nhân cách đạo đức lại có ý nghĩa hơn bao giờ hết. May thay, Phong trào Chấn hưng Phật giáo lan rộng khắp nơi, chư tăng được giáo dục cả đức lẫn tài, trở thành những bậc chân tu làm rạng rỡ cột Phật pháp trong mai hậu.

Về phương diện xây dựng cơ sở vật chất của Phật giáo: Đó chính là buổi đầu hình thành các lớp gia giáo, sau đó dần dần đến các Phật học đường, Ni trường, Phật học viện.

Kế thừa những thành quả từ Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học, đứng đầu là Hòa thượng Khánh Hòa, mở Lục Hòa Liên Xã với mục đích chấn hưng Phật pháp, đào tạo tăng tài. Sự liên kết giữa các chùa buổi đầu trong điều kiện có khó khăn về tài chính và nhân lực, để nhanh chóng hình thành một “mạng lưới giáo dục cơ động” mang tên

Lục Hòa Liên Xã, chính là đã thể hiện tính sáng tạo, linh hoạt của chư tăng trong việc cho ra đời nhiều cơ sở giáo dục hoàn chỉnh về sau này. Buổi đầu, chưa mở được trường Phật học, quý Ngài luân phiên khai gia giáo, Hòa thượng Diệu Pháp hưởng ứng khai gia giáo tại chùa “Nội trú hơn 60 vị Tăng trong 100 ngày, dạy nội điển và ngoại điển. Các buổi chiều có mở các lớp tiểu học, dạy cho con em lớn tuổi thất học (từ lớp 1 đến lớp 5). Đây là lớp khai gia giáo đầu tiên của Lục Hòa Liên Xã miền Nam”³. Tìm về chốn Tổ trong một chuyến đi, học viên được Thượng tọa Thích Minh Nhựt (trụ trì chùa Long Hòa hiện nay) đưa đi tham quan tháp Tổ trong khuôn viên chùa. Thượng tọa cho biết: Chùa Long Hòa của Tổ Huệ Quang (Trà Vinh) là nơi khởi điểm đầu tiên, để các vị cao tăng bàn bạc hội họp cho những dự định mở lớp gia giáo. Nơi ra đời của Liên đoàn Phật học Xã, mở trường học cho tăng ni. Điều ấn tượng nhất với chúng tôi là hiện nay chùa còn lưu lại cổng trường học ngày xưa, trên cổng có ghi bốn chữ “Huệ Quang Học Đường”, giờ còn mang vết tích của bom đạn chiến tranh. Các vị Hòa thượng sau này nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã từng đến đây tham học như: Hòa thượng Thanh Từ, Hòa thượng Huyền Vi, Hòa thượng Trí Quảng,... Sau khi lớp học ở đây giải tán, thì dời về chùa Long Phước, mở Hội Lưỡng Xuyên Phật học và làm đạo ở đó. Hòa thượng cộng tác với các hòa thượng khác, như: Hòa thượng Khánh Hòa, Khánh Anh,... cùng chung tay lo cho Phong trào Chấn hưng Phật giáo. Có thể nói, đây là một ngôi chùa lịch sử, trải qua rất nhiều đời trụ trì, hiện nay Thượng tọa Thích Minh Nhựt là vị trụ trì đời thứ 18.

Ngoài lực lượng nòng cốt của Tăng già, thì Ni giới cũng có những đóng góp đáng kể cho Phong trào Chấn hưng Phật giáo. Sư bà Diệu Tịnh là người có công đầu tiên cho giáo dục Ni giới qua việc dịch và ấn tống kinh sách. Năm 1933, Sư bà viết bài đăng tạp chí Từ Bi Âm, mục đích kêu gọi chấn hưng Ni phái. Cũng năm này, Trường hương chùa Giác Hoàng (Bà Điểm), tổ chức cho hai phái Tăng Ni, Sư bà được mời làm Chính na, thủ lĩnh Ni, và sau đó được công nhận là Giáo thọ Ni, năm đó Sư bà chỉ mới 24 tuổi. Sư bà là bậc tôn túc của Gia Định, đảm nhận ngôi vị giáo thọ Ni đầu tiên và trẻ tuổi nhất trong lịch sử Ni giới Nam Bộ. Với tuổi trẻ tràn đầy nhiệt huyết, giữa năm

1934, Sư bà về làm trụ trì chùa Thiên Bửu (chùa Búng). Sau đó mở lớp dạy quốc ngữ và chữ nho cho con em tại địa phương, tiếp tục sự nghiệp giáo dục, Sư bà cùng với Sư bà Diệu Tánh, mở thêm lớp gia giáo ba tháng, mời thầy Khánh Thuyên về làm giáo thọ. Vào năm 1938, chùa Phước Long ở Mỹ Tho khai hạ “Sư bà được mời làm Pháp sư giảng dạy suốt ba tháng hạ.... Năm 1940, Sư bà làm giáo thọ tại Ni trường Cô Ba Sàng (Sa Đéc), tức chùa Giác Linh”⁴. Ngoài thời gian mở trường, mở lớp dạy Ni chúng, đi giảng dạy và thuyết pháp ở nhiều nơi, Sư bà còn dành thời gian viết bài đăng trên tạp chí, thức tỉnh hàng ni giới, góp phần cho công việc chấn hưng Phật giáo. Hiện nay, Pháp Bảo Phường và Tàng Kinh Các tại chùa Viên Giác được xem là thành quả về mặt giáo sản.

Từ những đặc điểm trên cho thấy, Hội Lương Xuyên Phật học không chỉ gắn liền với ngôi cổ tự Long Phước (Trà Vinh) mà còn là trung tâm truyền bá Phật học của xứ Nam Kỳ. Bởi lẽ, từ những ngày đầu thành lập Hội, với cái tên “Lương Xuyên Phật học” đã nhanh chóng nổi tiếng khắp cả ba kỳ, trong đó Nam Kỳ có tầm ảnh hưởng rất lớn, và nhất là tại tỉnh Trà Vinh. Ngoài chùa Long Phước (HLXPH), nay là chùa Lương Xuyên, còn có các ngôi cổ tự nổi tiếng, như: Chùa Long Khánh (Tp. Trà Vinh) xưa Hòa thượng Diệu Pháp trụ trì; Liên Quang Thiền Viện (Tp. Trà Vinh) xưa Ni trưởng Thích nữ Tịnh Hoa trụ trì; chùa Long Hòa (Cầu Kè - Trà Vinh) của Tổ Huệ Quang (nay Thượng tọa Thích Minh Nhựt trụ trì); chùa Vạn Hòa (Cầu Kè - Trà Vinh) nay Hòa thượng Thích Thiện Thông trụ trì; chùa Liên Quang (Châu Thành - Trà Vinh) xưa Hòa thượng Thích Thiện Tâm trụ trì.... Đây là những ngôi chùa cổ có ảnh hưởng rất lớn từ Phong trào Chấn hưng Phật giáo.

Là người xuất thân từ quê hương Trà Vinh, nên ít nhiều chúng tôi cũng được nghe kể lại lịch sử các ngôi chùa cổ tại đây. Hơn nữa, sau chuyến điền dã, chúng tôi nhận thấy trong nhà tổ các ngôi chùa này đều thờ chung ba vị Tổ của Phong trào Chấn hưng Phật giáo. Ngoài ra, phong trào còn lan rộng đến các tỉnh lân cận của khu vực phía Nam, như: Trà Ôn - Vĩnh Long (xưa cùng tỉnh với Trà Vinh là tỉnh Cửu Long), Đồng Tháp, Hà Tiên, Kiên Giang, Sóc Trăng... Và một địa danh quan trọng không thể không nhắc đến đó là chùa Linh Sơn -

Sài Gòn, nơi đánh dấu sự ra đời của Phong trào Chấn hưng Phật giáo Nam Bộ. “Ngày 26/8/1931, lần đầu tiên, một Hội Phật học ra đời, lấy tên là “Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật học”, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn, số 149 đường Douaumont (hiện nay là đường Cô Giang), quận 1, Sài Gòn. Đến ngày 01/01/1932, Hội ra tạp chí Từ Bi Âm để truyền bá giáo lý, lập Pháp Bảo Phường, thỉnh Tam tạng kinh Trung Hoa làm tài liệu nghiên cứu”⁵. Tuy nhiên, một tài liệu khác cho rằng: “Ngày 31/4/1931, Thống Đốc Nam Kỳ Kreutheimer cho phép xuất bản tạp chí Từ Bi Âm. Nhưng đến ngày 01/01/1932, bản nguyệt san Từ Bi Âm của Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học ra số đầu tiên. Chủ nhân sáng lập là cư sĩ Phạm Ngọc Vinh. Chủ nhiệm là Hòa thượng Lê Khánh Hòa - Chánh Hội trưởng Ban Trị sự Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học, chủ bút là Hòa thượng Bích Liên, Phó chủ bút là Đại đức Liên Tôn, thủ quỹ là Phan Văn Nhơn”⁶. Qua các sách sử Phật giáo còn ghi lại, cũng như sự nhìn nhận đánh giá của các sử gia, các nhà nghiên cứu Phật học, có thể thấy rằng chùa Linh Sơn - Sài Gòn là nơi khơi nguồn cho Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ. Cũng từ đây các Hội Phật học lần lượt ra đời để chấn chỉnh nền Phật học, làm sống lại thời kỳ hoàng kim của Phật giáo nước nhà, mà công lao đầu tiên phải kể đến là Hòa thượng Khánh Hòa và các hòa thượng cùng thời với ngài là: Hòa thượng Huệ Quang, Hòa thượng Khánh Anh là ba vị nòng cốt của phong trào. Do vậy, phong trào này có tầm ảnh hưởng lan rộng đến các chùa tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, như: Tổ đình Ấn Quang, Tổ đình Từ Nghiêm, Ni trường Dược Sư... đều có thờ di ảnh của ba vị Tổ này. Đây là thành tựu to lớn mà các Ngài đã gặt hái được sau bao năm đi vận động kêu gọi những cư sĩ, nhân sĩ trí thức, các tín đồ Phật tử hữu tâm vì đạo cùng nhau ủng hộ cả vật chất lẫn tinh thần để có nguồn tài chính cho bước đầu làm Phật sự, cùng cộng tác viết bài, in ấn sách báo, tạp chí Phật học, cổ vũ cho phong trào. Thêm vào đó, là những buổi giảng kinh thuyết pháp, tạo cơ hội cho mọi người làm quen với giáo lý nhà Phật, nhất là tạo niềm tin cho các tín đồ, không bị hoang mang trước quá nhiều luận thuyết của Phật giáo, mà người Phật tử phải làm thế nào để hiểu rõ và thực hành lời Phật dạy một cách thiết thực nhất, vì đạo Phật là đạo của sự thật, đạo của trí tuệ và niềm tin. Niềm tin này là yếu tố đầu tiên để đến với tôn giáo, nó mang tính thiêng liêng. “Niềm tin tôn giáo là yếu tố thiêng

liêng trong đời sống tâm lý bởi nó ăn sâu vào ý thức, tình cảm và bộc lộ thành hành vi nghi lễ của tín đồ”⁷. Cũng vì niềm tin mà con người vượt qua tất cả mọi khó khăn trong cuộc sống, dù đời hay đạo, khi làm việc gì cũng phải có niềm tin. Chư vị Hòa thượng trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo, cũng xuất phát từ niềm tin vào tương lai của đạo pháp mà kêu gọi mọi người cùng nhau chấn hưng nền Phật học, phục hồi lại những giá trị giáo lý, đạo đức cổ truyền đang trên đà xuống dốc. Có thể nói, đây là những thành tựu quan trọng mà Hội Lưỡng Xuyên Phật học đã đạt được trong giai đoạn chấn hưng. Một điều rất vinh hạnh cho Hội Lưỡng Xuyên Phật học là vào ngày 15/4/1971, Giáo Hội Trung ương đã cử một phái đoàn giáo phẩm đưa linh cốt của chư Tổ Khánh Hòa, Khánh Anh, Huệ Quang, Pháp Hải về tôn thờ nơi đây và truy tôn Tổ Khánh Hòa, Tổ Huệ Quang, Tổ Khánh Anh là Lưỡng Xuyên Tam Tổ.

2. Là trung tâm đào tạo tăng tài của khu vực Tây Nam Bộ

Mở trường Phật học để đào tạo tăng tài, thì có thể nói Phật học đường Lưỡng Xuyên là cơ sở được hình thành đầu tiên tại Đồng bằng sông Cửu Long, là chiếc nôi của Phật giáo Nam Bộ. Ảnh hưởng từ phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam, các lớp Phật học gia giáo, các khóa trường hương, trường hạ từ đó được tổ chức khắp nơi. Với nội dung và hình thức giáo dục phong phú, Hội đã từng bước khắc phục được vấn đề thất học trong tăng đồ. Bằng nhiều hình thức hoạt động, kết hợp hài hòa giữa nội điển và ngoại điển, đã tạo điều kiện cho Tăng Ni, Phật tử hiểu sâu hơn về giáo lý đạo Phật.

Đối với các nhà lãnh đạo Phật giáo trong giai đoạn này, điều phải làm trước tiên là đào tạo tăng tài, nhằm xây dựng một đội ngũ Tăng già có đầy đủ năng lực và phẩm chất đạo đức để mai sau có người gánh vác, kế thừa Phật sự.

Với tâm nguyện chấn hưng Phật giáo, đầu tiên các vị hòa thượng Khánh Hòa, Khánh Anh, Huệ Quang... cùng các cư sĩ Phật tử có đạo tâm tại Trà Vinh đứng ra thành lập Hội Lưỡng Xuyên Phật học. Trong *Duy Tâm Phật học* có bản điều lệ và quy tắc thành lập. Hội dành rất nhiều điều khoản cho vấn đề giáo dục và đào tạo tăng tài: “Ban Giáo dục của Hội Lưỡng Xuyên Phật học, định đến ngày rằm tháng Tám năm Ất Hợi (1935) là ngày khai trường Thích Học Đường của Hội. Số

sĩ tử vào đơn xin dự thi đăng 20 trò, đến ngày 10 tháng Tám An Nam thì đã câu hội đủ nơi trường tại Hội quán. Ngày 13, Ban giáo dục mở cuộc khảo thi”.

Ban Giáo dục của Hội Lương Xuyên Phật học gồm có: Hòa thượng Khánh Hòa (Giám khảo), Hòa thượng Huệ Quang (Phó Giám khảo), Hòa thượng An Lạc (Cố vấn viên), Hòa thượng Bảo Lâm, Hòa thượng Viên Giác (Thị sự), Hòa thượng Khánh Anh, Hòa thượng Trụ trì Pháp Hải (Giám trường).

Ngày 14, đúng 10 giờ tối, quý hòa thượng, hội viên, thiện tín đều vào Phật Học Đường hành lễ khai trường. Hành lễ xong, Đốc học Lê Khánh Hòa tỏ mấy lời huấn từ khuyến khích học sinh phải chuyên cần học tập cho thành tài đạt đức ngõ hầu kế vãng khai lai. Kế đó Pháp sư Khánh Anh đọc bài diễn văn khai mạc: Hỡi các học giả! Hôm nay là ngày Bộ Giáo dục Phật học của Hội Lương Xuyên Phật học khai trường Thích Học Đường tại Hội quán chùa Long Phước (Trà Vinh). Hư Sanh này đăng quý Hội sung cử làm chức Pháp Sư để truyền thọ giáo nghĩa cho chư học giả, vậy trước khi thọ nghĩa, hư sanh này xin tự trần ít lời nói đầu thổ lộ ra đây.

Lời tự trần của Hòa thượng cho thấy tâm nguyện của người vì tương lai Phật pháp, vì các thế hệ tăng tài thì phải chung lo, không thể chối từ, trốn tránh. Hòa thượng lại bảo: “Xưa nay phái Tăng già và cư sĩ thiện tín không chung một Giáo hội, không đoàn thể liên lạc mà hiệp tác với nhau đăng lập vĩnh viễn Học đường để dạy đạo, cứ để ai riêng phần nấy thì dầu có những hạng nhiệt tâm vì đời hy sinh vì đạo cũng không tài nào dùng tự lực mà cất cái gánh nặng hoằng pháp lợi sanh cho nổi”⁸. Chính bởi nguyên nhân ấy, nên hai chúng xuất gia và tại gia đồng tâm hiệp lực chung nhau, kẻ của người công, trên thì nhờ ơn Chính phủ chiếu cố, nên mới lập thành Hội Lương Xuyên Phật học, giáo dục Phật học đường này, để mai kia đào tạo ra những bậc đồng lương làm hưng long cho Phật pháp. Vì thế, muốn duy trì và phát triển Phật pháp, hầu góp phần giải quyết các vấn nạn của đất nước, không có con đường nào khác hơn là đào tạo tăng tài. Bài diễn văn của Cố Đạo Trân trong Duy Tâm Phật học có nêu: “Muốn chấn hưng Phật giáo đào tạo tăng tài thì phải cải cách cựu thời Phật hóa, làm theo tân thức Phật hóa”. Sau khi thành lập Hội Lương Xuyên Phật

học, “Từ năm 1935-1938 khai giảng Lớp Sơ đẳng Phật học, năm 1939-1942 khai giảng Lớp Trung đẳng Phật học. Năm 1943 khai giảng Lớp Cao đẳng Phật học”⁹. Như vậy, gần 10 năm hoạt động, Hội Lưỡng Xuyên Phật học đã đào tạo được một đội ngũ tăng tài cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam thời hiện đại, như: Hòa thượng Thiện Hòa, Thiện Hoa, Chí Quang, Hiền Thụy, Chánh Quang, v.v... và các thế hệ sau này, như: Hòa thượng Quảng Liên, Hành Trụ, Thiện Định, Huyền Vi, Trí Tịnh, Thanh Từ,... Các vị hòa thượng này đều là những danh tăng có đạo đức và tài năng song toàn, gánh vác Phật sự lớn lao cho Giáo hội. Ngoài lực lượng nòng cốt của tăng già, thì Ni giới cũng có những đóng góp đáng kể cho Phong trào Chấn hưng Phật giáo. Từ khi Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học ra đời với tạp chí Từ Bi Âm, Sư bà Diệu Tịnh là người có công đầu tiên cho giáo dục Ni giới qua việc dịch và ấn tống kinh sách. Năm 1933, Sư bà viết bài đăng tạp chí Từ Bi Âm, mục đích kêu gọi chấn hưng Ni phái. Cũng năm này, Trường hương chùa Giác Hoàng (Bà Điểm), tổ chức cho hai phái Tăng, Ni, Sư bà được mời làm Chính na, thủ lĩnh Ni, và sau đó được công nhận là Giáo thọ Ni, năm đó Sư bà chỉ mới 24 tuổi. Sư bà là bậc tôn túc của Gia Định, đảm nhận ngôi vị giáo thọ Ni đầu tiên và trẻ tuổi nhất trong lịch sử Ni giới Nam Bộ. Với tuổi trẻ tràn đầy nhiệt huyết, giữa năm 1934, Sư bà về làm trụ trì chùa Thiên Bửu (chùa Búng). Sau đó mở lớp dạy quốc ngữ và chữ Nho cho con em tại địa phương, tiếp tục sự nghiệp giáo dục, Sư bà cùng với Sư bà Diệu Tánh, mở thêm lớp gia giáo ba tháng, mời thầy Khánh Thuyên về làm giáo thọ. Vào năm 1938, chùa Phước Long ở Mỹ Tho khai hạ, Sư bà được mời làm Pháp sư giảng dạy suốt ba tháng hạ,... Năm 1940, Sư bà làm giáo thọ tại Ni trường Cô Ba Sàng (Sa Đéc), tức chùa Giác Linh. Ngoài thời gian mở trường, mở lớp dạy ni chúng, đi giảng dạy và thuyết pháp ở nhiều nơi, Sư bà còn dành thời gian viết bài đăng trên tạp chí, thức tỉnh hàng Ni giới, góp phần cho công việc chấn hưng Phật giáo. Hiện nay, Pháp Bảo Phường và Tàng Kinh Các tại chùa Viên Giác được xem là thành quả về mặt giáo sản.

Từ những đặc điểm trên cho thấy, Hội Lưỡng Xuyên Phật học không chỉ gắn liền với ngôi cổ tự Long Phước (Trà Vinh) mà còn là trung tâm truyền bá Phật học của xứ Nam Kỳ. Bởi lẽ, từ những ngày đầu thành lập Hội, cái tên Lưỡng Xuyên Phật học đã nhanh chóng nổi

tiếng khắp cả ba kỳ, trong đó Nam Kỳ có tầm ảnh hưởng rất lớn, và nhất là tại tỉnh Trà Vinh.

Mặc dù vấn đề chính lý Tăng già và đào tạo tăng tài luôn được Hội Lưỡng Xuyên Phật học đặc biệt quan tâm, nhưng kết quả không như mong muốn. Tuy vậy, vẫn đào tạo được các thế hệ tăng tài trẻ tuổi, có học thức, có giới hạnh, góp phần xây dựng một nền Phật giáo Việt Nam sánh ngang tầm với Phật giáo quốc tế.

Hội Lưỡng Xuyên Phật học được thành tựu như hôm nay, trước hết nhờ công đức cao dày của chư vị Hòa thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh, Pháp Hải... là những vị Tổ nòng cốt của phong trào chấn hưng Phật giáo tại Nam Bộ, các vị có công rất lớn đối với Hội Lưỡng Xuyên Phật học. Cống hiến của các vị cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tăng tài tại miền Nam, được thể hiện qua cuộc đời và sự nghiệp của mỗi người.

Đặc biệt, ngôi tháp Đa Bảo tại chùa Phước Hậu - Trà Ôn là nơi đã lưu lại di ảnh, linh cốt và mộ bia của các vị Tổ. Để tưởng nhớ ân đức cao dày đó, hàng hậu bối đã kiến tạo một ngôi Bảo tháp khang trang và buổi lễ nhập tháp Đa Bảo được diễn ra vào ngày 15,16,17 tháng 10 năm Mậu Thân, nhằm ngày 4,5,6 tháng 12 năm 1968, tại chùa Phước Hậu - Trà Ôn (Vĩnh Long).

Nhìn chung, các vị hòa thượng là những danh tăng có công với Phật giáo trong giai đoạn chấn hưng, là những tu sĩ điển hình lý tưởng, một tấm gương sáng ngời, giới đức kiêm ưu. Đồng thời, các vị còn là những tăng tài xuất chúng, không những thông thạo về tam tạng kinh điển, mà còn thông cả các kiến thức thế học. Vì vậy, người xuất gia không chỉ biết chuyên tâm tu tập, mà còn phải thông thạo cả ngũ minh, trong đó có y phương minh, làm thầy hốt thuốc, chữa bệnh. Xưa, Hòa thượng Huệ Quang rất giỏi về Đông y và bốc thuốc chữa bệnh cho bà con quanh vùng. Hòa thượng Thiện Trí (chùa Long Thành) cũng là một người giỏi về Đông y. Vì vậy, người tu sĩ phải giỏi về mọi mặt, đem tài năng của mình hướng ra ngoài xã hội, phục vụ nhân sinh.

Ngoài sự cống hiến của các danh tăng và ni giới, Hội Lưỡng Xuyên Phật học còn được sự ủng hộ nhiệt tình của những cư sĩ Phật tử thuần thành tại Trà Vinh, như: Huỳnh Thái Cửu, Ngô Trung Tín, Trần Văn

Giác, Phạm Văn Liêu, Thái Phước, Thái Khánh, Lữ Long Giao, Nguyễn Văn Khỏe, Phạm Văn Luông, Trần Thên, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Văn Thọ (tức Đại đức Thích Trường Lạc) đều ở Trà Vinh. Những vị này có công lao rất lớn đối với Hội Lương Xuyên Phật học, vì ngoài sự đóng góp về sức lực các vị còn ủng hộ rất nhiều về tài lực để Hội được duy trì và phát triển.

3. Là nơi chấn chỉnh, phục hồi các giá trị của giáo lý Phật giáo

Vào khoảng năm 1930, những người có tâm huyết với Phật giáo đã nói lên ý hướng của họ trong việc phục hưng nền Phật học, khôi phục lại các giá trị của Phật giáo.

Vì lúc bấy giờ “Thánh đạo trăn vu, còn lấy gì mà phòng phạm nhân tâm, chắc vào đâu để duy trì nền phong hóa.... Chỉ dựa vào Phật giáo, chắc vào lòng tín ngưỡng mà thôi. Nhưng khốn vì Phật giáo ngày nay cũng chẳng còn thể lực gì... đạo đức đã kém, lòng tín ngưỡng cũng suy. Tha hồ cho giặc tư dục tràn ra không thể ngăn cấm được... Lẽ nào đứng nhìn cho cái nhà phong hóa đổ xuống hay sao?”¹⁰. Cho nên chấn hưng Phật giáo cốt để: 1/ Duy trì nền phong hóa; 2/ Tuyên dương nhân đạo; 3/ Tham khảo khoa học; 4/ Dưỡng thành nghị lực cho đồng bào.

Duy trì phong hóa: tức phải bảo tồn Nho học, vì nước ta xưa nay chịu ảnh hưởng của nền Nho học và hầu hết các kinh sách Phật giáo cũng bằng chữ Nho.

Tuyên dương nhân đạo: là đề cao tình thương yêu con người. Cũng vì nhân đạo mà khi xưa Thái tử Sĩ Đạt Ta từ bỏ ngai vàng đi xuất gia, sống đời khổ hạnh.

Tham khảo khoa học: Có thể nói Đức Phật là một nhà khoa học đi trước thời đại. Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, Ngài đã thấy trong nước có nhiều vi trùng, mà sau này các nhà khoa học đã chứng minh là sự thật. Điều này đã khẳng định Đức Phật là một nhà khoa học vĩ đại, là “Thiên nhơn chi đạo sư” (bậc thầy của Trời người).

Dưỡng thành nghị lực cho đồng bào: Vì đời người là một kiếp khổ, có nghị lực mới có thể sống ở đời mà làm việc đạo. Có thể nói đây là một quan điểm tiến bộ, một sự thật ở đời. Bởi lẽ, Phật giáo là vì nhân sinh, “vì cuộc sống hạnh phúc của con người trong mối quan hệ với thiên nhiên và xã hội, nên tránh những luận thuyết viển vông siêu

hình, mà kéo con người trở về thực tại... Nghĩa là nhìn cái gì cũng đúng với sự tồn tại khách quan của nó để tìm con đường giải quyết vấn đề đau khổ của thực tại”¹¹. Đây chính là nền tảng căn bản của đạo Phật, nếu nhân sinh còn thống khổ, thì giáo lý “Tứ đế” của Đức Phật vẫn còn giá trị ở đời. Chính những nỗi khổ đau của kiếp nhân sinh, làm cho con người mất đi niềm tin trong cuộc sống. Điều đáng nói là, công cuộc chấn hưng Phật giáo dẫn đến tranh luận sôi nổi trên sách báo, tạp chí về tư tưởng triết học và giáo lý Phật giáo, với những vấn đề thiết thực trong đời sống xã hội.

Hơn nữa, mục đích của *Duy Tâm Phật học* là để tuyên truyền giáo lý, giúp cho mọi người hiểu đúng chính pháp. Vì tinh thần của Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn này chịu ảnh hưởng trực tiếp từ Phong trào Chấn hưng Phật giáo quốc tế. Tuy nhiên nhân tố chính để hình thành nên Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ là vì Nho học sụp đổ, chữ Hán được thay thế bằng chữ quốc ngữ, do đó các Tăng ni Phật tử cũng đòi hỏi có sự đổi mới trong sinh hoạt tâm linh và hoằng dương chính pháp.

Mặt khác, sự phát triển của các đạo giáo lúc bấy giờ làm cho những người theo Phật giáo cần nhìn lại chính mình, phải làm thế nào để thay đổi, cải cách, chấn chỉnh lại một nền Phật giáo sống động, thiết thực hơn. Chúng ta cũng nên nhìn nhận rằng, chính sự suy yếu của Phật giáo lúc bấy giờ, làm cho dân chúng mất đi niềm tin đối với đạo. Hơn nữa, các hình thức nghi lễ của Phật giáo lâu nay chỉ là phương tiện, không thích hợp với những người chuộng lý trí và khoa học. Vì vậy, phát huy giáo nghĩa của Phật giáo để đem lại một đạo Phật tân tiến hơn, sống động hơn, đáp ứng được nhu cầu của thời đại là điều cần thiết, tức “Phải làm sống lại, làm mới và đưa tinh thần chân chính của đạo Phật vào cuộc đấu tranh đẩy lùi các thứ ma chướng của thời đại... Xây dựng lại hình ảnh con người với những phẩm chất Phật giáo”¹². Thông thường người ta cho rằng đời nay văn minh vật chất, khoa học phát minh thì tôn giáo khó mà đứng vững. Trái lại khoa học phát minh nhưng chẳng lay động được giáo nghĩa của Phật giáo, mà còn làm cho Phật giáo thêm tỏ rạng. Các hiền triết của Âu-Mỹ cho rằng: “Dầu trí khôn suy đoán, dầu triết lý biện luận thế nào cũng vô bổ, chẳng thể phá tan được các điều nghi hoặc của người đời, mà chỉ có Phật giáo

mới có thể làm cho người đời được an tâm tinh trí. Vì Phật giáo vừa là một nền tôn giáo, vừa là một khoa triết học nghĩa lý uyên áo và rất hấp với phong trào đời nay”¹³. Vì cái tôn chỉ dạy đời của Phật giáo rất đúng với đạo đức xã hội, phù hợp với thể đạo nhơn tâm, và chỉ có Phật giáo mới giải quyết được những điều nghi hoặc, mới làm sáng tỏ vấn đề nhân quả báo ứng và các chân lý của nhân sinh vũ trụ.

Về Nhân quả báo ứng, Phật dạy: “Chúng sinh trên thế giới càng tạo tội ác bao nhiêu thì càng phải chịu khổ não bấy nhiêu, vì trồng nhân lành thì sinh ra quả lành, gây nhân dữ thì sinh ra quả dữ....”. Đây là quy luật tự nhiên của vũ trụ, không ai có thể thay đổi được.

Về chân lý thực sự của vũ trụ: Khoa học cho là do nguyên tử tạo nên, còn Phật học thì cho là tứ đại giả hợp, tức do nơi đất nước gió lửa mà hợp thành nên nó luôn vô thường biến đổi. Thế giới có “thành trụ hoại không, thân người thì sinh lão bệnh tử”. Do vậy năm uẩn không có mà bốn đại cũng không.

Như vậy, mục đích của Phật giáo là làm lợi ích cho nhân sinh, giúp họ xóa bỏ những kiến chấp sai lầm, nhận thức rõ ràng về nhân sinh vũ trụ, giúp mọi người đặt niềm tin chân chính nơi giáo pháp trên cơ sở khoa học, chứ không phải tin vào lý thuyết viển vong mơ hồ. Nhưng để thực hành được điều đó ắt phải có sự dẫn thân không mệt mỏi của các vị tăng sĩ. Do vậy, vấn đề chấn chỉnh, phục hồi lại các giá trị của giáo lý Phật giáo là nhiệm vụ cấp thiết của Hội Lưỡng Xuyên Phật học và cũng là mục đích chính mà Duy Tâm Phật học muốn hướng đến.

4. Tổ chức của Hội chưa chặt chẽ và hoạt động chưa rộng khắp

Nước Việt Nam ta bắt nguồn từ Bắc Việt, rồi lần lần mở mang vào Nam Việt, ban đầu nhờ quan liêu, vua chúa ủng hộ, nên được một thời hưng vượng vẻ vang. Nhưng trải qua bao thời đại, Tổ tổ tương truyền rồi cũng có lúc suy vi.

Qua quá trình diên dã, tôi được biết ở Trà Vinh vào những năm 1940 trở đi, các cơ sở thờ tự của Phật giáo cũng bị Pháp trưng dụng làm đồn bót, như: chùa Long Phước (Lưỡng Xuyên Phật học), chùa Long Khánh (Tp. Trà Vinh) chùa Liên Quang (Châu Thành - Trà Vinh),....

Riêng Hội Lưỡng Xuyên Phật học, là trung tâm truyền bá Phật học vùng Nam Bộ, đi tiên phong trong mọi hoạt động. Tuy nhiên, vẫn còn một số nguyên nhân chủ quan làm ảnh hưởng đến mạng lưới hoạt động của Hội, đến Phong trào Chấn hưng Phật giáo suốt mấy mươi năm qua. Trong quá trình phát triển của phong trào, đã có sự phân ly giữa hai luồng tư tưởng, hai phương cách hành động. Tiêu biểu cho hai quan điểm này là Hòa thượng Khánh Hòa và nhà sư Thiện Chiếu. Tuy có khác nhau trong hành động, nhưng cả hai đều thể hiện tinh thần yêu nước, “Yêu đạo pháp và yêu dân tộc Việt Nam”. Phải chăng, đó là tư tưởng yêu non sông, yêu nguồn đạo pháp đã hòa quyện vào tâm hồn của những người con đất Việt, trong đó có tu sĩ Phật giáo Việt Nam, tiêu biểu cho giai đoạn này chính là Hòa thượng Khánh Hòa. Để thấy được sự cống hiến của Hòa thượng cho Phong trào Chấn hưng Phật giáo, ta hãy tìm hiểu về quan điểm đường lối của ông. Theo Trần Hồng Liên, Hòa thượng Khánh Hòa chủ trương “Ôn hòa, có tính nhẫn nại, suốt đời hy sinh, hiến thân cho đạo pháp, tránh tranh luận, tránh bút chiến”¹⁴. Với tinh thần Từ bi và Trí tuệ của đạo Phật, Hòa thượng Khánh Hòa chủ trương bất bạo động. Điều này không có nghĩa là thờ ơ trước bối cảnh của đất nước, bằng chứng là người đã dâng quả chuông đồng của chùa mình cho cách mạng để đúc vũ khí phục vụ chiến tranh vệ quốc. Đáp lại lời kêu gọi lên đường chống giặc ngoại xâm, Hòa thượng cho 47 tăng sinh đang theo học tại Phật học đường Lưỡng Xuyên gửi lại áo cà sa cho nhà chùa, lên đường kháng chiến. Cũng có thể hiểu tư tưởng “bất bạo động” của Hòa thượng như là một hành động ôn hòa, thuận theo thời thế, không sử dụng bạo lực, khi đưa ra một quyết định hay một lời đề nghị nào. Bất bạo động không có nghĩa là ngồi yên một chỗ, mà chính là ứng xử bằng thái độ, bằng hành động không dùng bạo lực, không sử dụng vũ khí để đấu tranh. Ở đây, có lẽ Hòa thượng ứng dụng tinh thần “tùy duyên” của nhà Phật, nghĩa là tùy hoàn cảnh (tuổi cao, sức yếu) tùy phương tiện, tùy thời cơ, mà ứng phó, không manh động, mặc dù ông là người yêu nước. Với quan điểm này, nhà sư Thiện Chiếu cho là “ôn hòa đến mức thụ động và cổ hủ”. Từ đó, sư Thiện Chiếu bất đồng quan điểm và tìm hướng đi riêng cho mình. Vì nhiều việc không như ý nên nhà sư Thiện Chiếu cởi bỏ áo tăng sĩ (hoàn tục). Đến năm 1936, ông về Rạch Giá tìm Thiền sư Trí Thiệu, là người từng cộng tác với HT. Khánh Hòa và

Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học. Ông đề nghị với Hòa thượng Trí Thiện thành lập một tổ chức Phật giáo theo tư tưởng tiến bộ. Đó là Hội Phật học Kiêm Tế được thành lập tại Rạch Giá. Phật học Kiêm Tế nói lên chí hướng của những người chủ trương, cũng nhằm nói lên tư tưởng tiến bộ của Hội. Theo tư tưởng của sư Thiện Chiếu: Tính độc lập tích cực và sáng tạo là yếu tố quyết định sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam trong đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, cái tốt và cái xấu, thiện và ác, chính và tà... bình đẳng và bất công, tiến bộ và bảo thủ, dân chủ và độc tài, tự do và áp bức, bác ái và bạo tàn, chính nghĩa và phi nghĩa, nhân đạo và vô nhân đạo... Tính độc lập tích cực và sáng tạo đó loại bỏ một cách không thương tiếc tất cả những gì ngăn trở bước tiến của dân tộc ta¹⁵.

Có thể nói, trong thời chiến, những người con của đất nước Việt Nam và những người đệ tử Phật nói riêng đều mang trong mình tinh thần yêu nước, cùng nhau chống họa xâm lăng. Không chỉ có Hòa thượng Khánh Hòa, nhà sư Thiện Chiếu mà còn rất nhiều vị hòa thượng trong giai đoạn này cũng tham gia chống chiến tranh, đây là thể hiện tính dân tộc, nhằm phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trước làn sóng tấn công của Phương Tây.

Do cách tổ chức chưa được kết hợp chặt chẽ và thiếu đồng bộ, nên Hội Lưỡng Xuyên Phật học được thành lập từ tiền của và công sức của rất nhiều người, nhưng kết quả thì chưa được như mong muốn. Tuy hình thức có tiến bộ mau chóng, nhưng tinh thần chưa mạnh mẽ. Vấn đề này được Hòa thượng Huệ Quang nhận định: “Nói chấn hưng mà không thấy cái hạp tràng nhất định để làm tiêu chuẩn cho tương lai tăng học. Lại thêm phân vân bất nhất không biết đâu chánh chơn cho tín đồ làm chỗ quy thú, rồi đây tất phải chia khu biệt vực, các tạp chí không khỏi sẽ điều linh đình bản”¹⁶. Hòa thượng còn chỉ ra rằng: Một điều đáng buồn hơn, các tạp chí ra đời rất nhiều, quý hội Phật học thành lập rất lắm, mục đích cùng chấn hưng mà tôn chỉ lại khác nhau. Báo chí phiên dịch chẳng đồng, lắm điều tranh biện, bĩ thử nhau, công kích nhau, làm trò cười trên trường ngôn luận, ít ai xét đến cái sự tương lai thành bại.

Về giáo dục: Tuy các trường Phật học được mở rộng khắp nơi, nhưng không đồng nhất về chủ trương, đường lối, phương pháp giảng

dạy.... Chư tăng chưa quan tâm nhiều đến việc học, vì hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ khó khăn, người xuất gia chỉ lo kể sinh nhai, không có thời giờ để nghiên cứu giáo lý tường tận. Vì vậy, phần đông tăng ni không được học hành nhiều, nên không thể hướng dẫn tín đồ Phật tử tu học theo con đường chân chính. Chính vì sự học không được phổ thông, nên dẫn đến nạn Phật pháp suy vi: “Phần nhiều trò đã không hiểu, thầy cũng chẳng tường, chỉ truyền thọ cùng nhau mấy câu sám tụng thường nghi ở trong chùa hoài mà thôi. Ngoài ra muốn học thì không thầy, muốn xem thì không sách, đâu có cái tư tưởng về sự tìm đạo, cũng chẳng biết làm sao. Nên chỗ kiến thức hẹp hòi, sự hành vi lầm lạc, mới gây ra sự riêng chùa, riêng Phật, riêng bốn đạo, riêng môn đồ, đến nỗi chùa kia có việc chùa nọ không giúp nhau...”¹⁷. Do đó, điều cần nhất là lo vấn đề chinh đốn việc học của tăng già. Nếu tăng già có đủ cả học lẫn hành, thì lo gì Phật pháp không được chấn hưng.

Về hoằng pháp: Tuy Hội cũng mở đạo tràng giảng kinh thuyết pháp cho tín đồ hằng tháng, nhưng dường như vấn đề này chưa được phổ cập cho lắm, số người hiểu giáo lý chưa nhiều. Tuy nước ta đất mở ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ), chùa cũng nhiều mà tu sĩ cũng không phải là ít, nhưng vấn đề chấn hưng không có kết quả thiết thực.

Về Kinh tế: Hội Lương Xuyên Phật học được sự ủng hộ nhiệt tình về tâm lực cũng như vật lực của các cư sĩ Phật tử tại Trà Vinh, nhưng vì thời buổi kinh tế khó khăn, một cơ sở đào tạo với thời gian dài thì nguồn tài chính cũng bị cạn kiệt, nên Trường tạm ngưng hoạt động. Sau nhờ có nữ cư sĩ ở Đa Kao là bà Thái Văn Hiệp, pháp danh Chân Nhật, nhận trợ cấp bảy mươi lăm đồng mỗi tháng cho nên trường mới mở cửa lại được. “Nhưng đến cuối 1941 trường lại bị đóng cửa vì thiếu tài chính và Hội Lương Xuyên Phật học chỉ còn đủ sức duy trì những lớp tiểu học tại các chi hội địa phương như Sa Đéc, Phú Nhuận và Kế Sách”¹⁸.

Nhìn chung, với những đặc điểm nêu trên, là những bài học kinh nghiệm rất cần thiết cho việc lãnh đạo, tổ chức Giáo hội, nhằm tăng cường khả năng phổ hóa và phổ tế cho tăng ni, Phật tử, đào luyện và trang bị kiến thức, kỹ năng cho các học tăng có được hành trang cần thiết, để sau này khi ra trường đảm nhiệm sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh.

Kết luận

Trà Vinh là vùng đất đi đầu trong công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam ở Tây Nam Bộ đầu thế kỷ XX. Không lâu sau khi Hội Lưỡng Xuyên Phật học được thành lập, vùng đất Trà Vinh bị chìm trong bom đạn chiến tranh. Học tăng ly tán, một số thì lui vào thiền thất chuyên tu, phần thì theo tiếng gọi tham gia Phật giáo cứu quốc, nên Trường đóng cửa. Hơn 12 năm vụn bời giống Phật, Hội đã đào tạo được các bậc tăng tài cho Phật giáo. Cho đến nay, vùng đất Trà Vinh vẫn được xem là chiếc nôi của Phật giáo Đồng bằng sông Cửu Long. Thành tựu của Hội Lưỡng Xuyên Phật học đạt được tuy còn khiêm tốn, nhưng đó là những gì quý báu mà chư Tổ đã dày công tạo dựng, nhằm chấn chỉnh, phục hồi lại những giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống của Phật giáo Việt Nam.

Bên cạnh những thành tựu, Hội Lưỡng Xuyên Phật học đã gặp không ít khó khăn về các mặt hoạt động, nhưng đó là bài học kinh nghiệm rút ra từ những hoạt động thiết thực của Hội Lưỡng Xuyên Phật học và cũng là bài học chung cho những người lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Thích Đồng Huệ & Thích Minh Thanh (1993), *Tiểu sử cố Hòa thượng Diệu Pháp, Lịch sử chùa Long Khánh*, Lưu hành nội bộ: 17-18.
- 2 Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1939), “Bản về vấn đề Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, (số 37): 2.
- 3 Thích Đồng Huệ & Thích Minh Thanh (1993), *Tiểu sử cố Hòa thượng Diệu Pháp, Lịch sử chùa Long Khánh*, Lưu hành nội bộ: 6.
- 4 Thích Nữ Từ Thảo (chủ biên) (2016), *Lược sử Ni giới và hành trạng chư Ni Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, Hà Nội: 90-91.
- 5 Thích Thiện Hoa (1971), *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam* (tập 1), Viện Hóa Đạo: 36.
- 6 Nguyễn Đại Đồng (2008), *Lược khảo Báo chí Phật giáo Việt Nam (1929-2008)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 28.
- 7 Thái Văn Anh (Thích Không Tú) (2018), *Niềm tin Tôn giáo của tín đồ Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh: 59.
- 8 Võ Khánh Anh (1935), “Phật học thông tin”, *Duy Tâm Phật học*, (số 2): 86 -87.
- 9 Thích Thiện Nhơn (2017), “Sự ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam (1920) đến thành lập GHPGVN (1981)”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Hòa thượng Khánh Hòa và Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Viện Hàn lâm KHXH VN: 207.
- 10 *Đuốc Tuệ* (số 18): 17-18.

- 11 Võ Đình Cường (1982), “Mấy suy nghĩ về tính chất nhân bản của Phật giáo”, *Tập văn Phật đân* (2529), Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN: 31.
- 12 Lê Mạnh Thát (2005), *Phật giáo thời đại mới - Cơ hội và thách thức*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh: 699.
- 13 Trần Mật Tri (1936), “Tinh thần Phật pháp đối với nhơn loại ngày nay”, *Duy Tâm Phật học*, (số 16): 191.
- 14 Trần Hồng Liên (2017), “Hòa thượng Khánh Hòa và Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Hòa thượng Khánh Hòa và Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Viện Hàn Lâm KHSHVN: 83.
- 15 Thích Thiện Chiếu (1932), *Phật giáo vấn đáp*, Chùa Hưng Long - Chợ Lớn: 2-3.
- 16 Thích Huệ Quang (1937), “Vấn đề Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học* (số 25): 37.
- 17 *Từ Bi Âm* (kỳ 6): 15.
- 18 Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận* (tập 3), Nxb. Văn học, Hà Nội: 792.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Khánh Anh (1935), “Phật học thông tin”, *Duy Tâm Phật học* (số 2).
2. Thái Văn Anh (Thích Không Tú) (2018), *Niềm tin Tôn giáo của tín đồ Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Võ Đình Cường (1982), “Mấy suy nghĩ về tính chất nhân bản của Phật giáo”, *Tập văn Phật đân* (2529), Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN.
4. Nguyễn Đại Đồng (2008), *Lược khảo Báo chí Phật giáo Việt Nam (1929-2008)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1939), “Bản về vấn đề Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học* (số 37).
6. Thích Thiện Chiếu (1932), *Phật giáo vấn đáp*, Chùa Hưng Long - Chợ Lớn.
7. Thích Thiện Hoa (1971), *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, (tập 1), Viện Hóa Đạo.
8. Thích Đồng Huệ & Thích Minh Thanh (1993), *Tiểu sử cố Hòa thượng Diệu Pháp, Lịch sử chùa Long Khánh*, Lưu hành nội bộ.
9. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, (tập 3), Nxb. Văn học, Hà Nội.
10. Trần Hồng Liên (2017), “Hòa thượng Khánh Hòa và Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Hòa thượng Khánh Hòa và Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Viện Hàn Lâm KHSHVN.
11. Thích Thiện Nhơn (2017), “Sự ảnh hưởng của Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam (1920) đến thành lập GHPGVN (1981)”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Hòa thượng Khánh Hòa và Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Viện Hàn lâm KHSHVN.
12. Thích Huệ Quang (1937), “Vấn đề Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, (số 25).
13. Lê Mạnh Thát (2005), *Phật giáo thời đại mới - Cơ hội và thách thức*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

14. Trần Mật Tri (1936), “Tinh thần Phật pháp đối với nhơn loại ngày nay”, *Duy Tâm Phật học*, (số 16).
15. Chí Thiện (1937), “Chấn hưng Phật giáo”, *Duy Tâm Phật học*, (số 26).
16. Thích Nữ Từ Thảo (chủ biên) (2016), *Lược sử Ni giới và hành trạng chư Ni Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, Hà Nội.

Abstract

LUỒNG XUYỀN BUDDHOLOGY ASSOCIATION IN BUDDHIST REVIVAL MOVEMENT IN VIETNAM

Le Thi Men

Dược Sư Pagoda

Bình Thạnh Dist., Ho Chi Minh City

The establishment of Luồng Xuyên Buddhology Association was approved by the Governor of Cochinchina in 1934, at Long Phuoc Pagoda, Tra Vinh. The purpose of the Association is training of monks for Buddhist revival. To evaluate the value of the Association towards Vietnam Buddhism in the 20th century, it needs to study its characteristics. It was the first Buddhist Association in the Mekong Delta in the Revival movement. It was also pioneered in terms of rectifying doctrine, structural organization, building the material base of Buddhism. It was a training center of the South West region and it was also a place to restore the values of the Buddhist teachings, etc., It can be said that these have been practical and meaningful contributions for the Buddhist Sangha of Vietnam at present.

Keywords: Characteristic; Luồng Xuyên Buddhology Association; Vietnam Buddhist revival.